

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất	05-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-40

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 26 tháng 11 năm 2015 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100100745.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 18 Lý Văn Phúc, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, TP Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch	
Ông Vũ Văn Tứ	Thành viên	
Ông Võ Hồng Quang	Thành viên	
Bà Mai Thị Hiền	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015)
Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Văn	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2015)
Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Trọng Đức	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015)
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015)
Ông Nguyễn Quang Vũ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015)

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

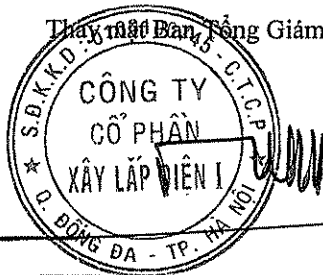
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trịnh Văn Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Số: 194 /2016/BC.KTTC-AASC.KT3

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được lập ngày 10 tháng 03 năm 2016, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Quốc Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2016



**Phạm Thị Xuân Thu**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1462-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.120.773.137.942</b>	<b>1.610.497.915.820</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	571.111.239.466	414.907.865.578
111	1. Tiền		51.231.239.466	57.007.865.578
112	2. Các khoản tương đương tiền		519.880.000.000	357.900.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		961.063.528.403	556.917.195.165
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	665.147.641.752	364.122.267.677
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		253.997.653.530	164.438.767.560
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	48.508.636.746	38.631.771.937
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.590.403.625)	(10.275.612.009)
140	IV. Hàng tồn kho	7	568.013.972.374	626.061.010.473
141	1. Hàng tồn kho		574.002.948.228	626.061.010.473
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.988.975.854)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.584.397.699	12.611.844.604
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.586.975.773	1.127.483.366
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		17.923.544.728	11.473.043.991
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	73.877.198	11.317.247
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.142.704.591.594</b>	<b>467.544.724.862</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		78.524.490.483	649.540.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	78.524.490.483	649.540.000
220	II. Tài sản cố định		96.558.329.235	77.951.205.953
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	95.249.931.344	76.129.864.940
222	- Nguyên giá		278.991.455.279	250.475.007.397
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(183.741.523.935)	(174.345.142.457)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.308.397.891	1.821.341.013
228	- Nguyên giá		10.913.551.854	10.913.551.854
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.605.153.963)	(9.092.210.841)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	87.716.760.734	91.844.704.143
231	- Nguyên giá		96.348.430.488	96.348.430.488
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.631.669.754)	(4.503.726.345)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	706.079.167.172	160.288.429.462
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		706.079.167.172	160.288.429.462

250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	154.966.539.744	117.679.864.705
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		150.144.769.744	112.858.094.705
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.821.770.000	4.821.770.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		18.859.304.226	19.130.980.599
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	13.047.296.827	12.601.709.815
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.a	5.812.007.399	3.568.215.838
269	3. Lợi thế thương mại		-	2.961.054.946
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.263.477.729.536</b>	<b>2.078.042.640.682</b>

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.893.092.632.119	1.177.806.489.013
310	I. Nợ ngắn hạn		1.287.284.176.241	980.394.047.583
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	440.511.327.916	445.486.761.051
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		384.846.248.004	33.726.662.631
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	93.158.010.135	106.362.263.393
314	4. Phải trả người lao động		66.321.772.637	69.454.926.002
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	84.271.733.872	89.952.868.924
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	511.703.547	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	41.997.672.007	55.173.108.130
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	63.061.128.705	115.282.617.572
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	95.193.280.668	52.249.768.345
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		17.411.298.750	12.705.071.535
330	II. Nợ dài hạn		605.808.455.878	197.412.441.430
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	-	255.813.742
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	241.982.921	139.211.321
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	461.458.658.203	74.357.198.239
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.b	3.099.893.748	2.663.541.460
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	18	141.007.921.006	119.996.676.668

400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.370.385.097.417</b>	<b>900.236.151.669</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>1.370.385.097.417</b>	<b>900.236.151.669</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		341.694.850.000	201.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		341.694.850.000	201.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		105.674.669.318	4.726.187.500
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		9.399.424.872	6.886.924.872
415	4. Cổ phiếu quỹ		(4.320.000)	(4.320.000)
416	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		432.841.146	432.841.146
417	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	1.104.247.862
418	7. Quỹ đầu tư phát triển		45.303.476.444	38.387.801.222
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		797.851.432.411	611.297.938.915
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		552.382.564.517	187.906.715.580
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		245.468.867.894	423.391.223.335
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		70.032.723.226	36.404.530.152
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.263.477.729.536</b>	<b>2.078.042.640.682</b>

Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập

Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

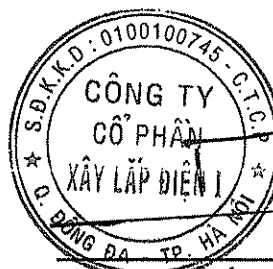
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015		Năm 2014	
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	3.100.858.743.033	3.100.045.836.079		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.100.858.743.033	3.100.045.836.079		
11	4. Giá vốn hàng bán	22	2.672.272.438.178	2.433.028.747.241		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		428.586.304.855	667.017.088.838		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	9.037.297.611	7.709.920.408		
22	7. Chi phí tài chính	24	12.364.746.337	13.514.923.095		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.432.262.854	12.763.965.879		
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết, LD		(11.537.346.323)	133.359.899		
25	9. Chi phí bán hàng		5.934.846.500	17.739.472.861		
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		126.479.222.980	94.173.478.220		
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		281.307.440.326	549.432.494.969		
31	12. Thu nhập khác	25	40.102.384.722	4.948.625.147		
32	13. Chi phí khác	26	2.269.692.363	5.505.331.950		
40	14. Lợi nhuận khác		37.832.692.359	(556.706.803)		
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		319.140.132.685	548.875.788.166		
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	75.349.364.619	119.124.840.396		
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	28.c	(1.807.439.273)	5.013.983.305		
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		245.598.207.339	424.736.964.465		
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		245.468.867.894	423.391.223.335		
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		129.339.445	1.345.741.130		
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	9.179	17.554		




Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập



Trần Thị Minh Việt  
Kế toán trưởng



  
Trịnh Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		319.140.132.685	548.875.788.166
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		24.212.044.322	22.728.407.296
03	- Các khoản dự phòng		66.258.524.131	55.690.646.393
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	65.436.220
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		2.791.017.566	(6.217.284.794)
06	- Chi phí lãi vay		10.432.262.854	12.763.965.879
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		422.833.981.558	633.906.959.160
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(469.634.262.874)	424.729.929.054
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		52.058.062.245	47.041.696.718
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		287.707.868.298	(345.771.499.920)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.905.079.419)	564.536.836
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.520.822.160)	(12.617.311.571)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(78.191.548.615)	(110.593.847.723)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.753.930.363
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.041.473.802)	(8.347.378.010)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		191.306.725.231	631.667.014.907
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(569.411.400.329)	(299.830.074.970)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.662.236.390	595.348.556
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(53.211.230.000)	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		330.664.077	1.200.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.902.921.232	7.471.020.642
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(612.726.808.630)	(290.563.705.772)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		243.096.321.818	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.055.074.576.660	674.634.695.789
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(720.194.605.563)	(871.568.103.044)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(352.835.628)	(14.229.844.960)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		577.623.457.287	(211.163.252.215)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		156.203.373.888	129.940.056.920

